

Bản án số: 937/2022/HC-PT
Ngày 30/11/2022
V/v “Khiếu kiện Quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Phạm Văn Công

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duân – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 455/2022/TLPT-HC ngày 08 tháng 8 năm 2022, về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 08/2022/HC-ST ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1917/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Minh H, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: 385, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh C, sinh năm 1949 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; cư trú: 350/33/30, đường Nguyễn Văn Lương, Phường 16, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh - Văn bản ủy quyền ngày 27/6/2013.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thiện Nghĩa – Chủ tịch.

Địa chỉ: Số 12, đường 30/4, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Huỳnh Văn Thiêm – Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Địa chỉ: Tầng 2 tòa nhà 10 tầng, đường Lê Thị Riêng, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Ủy ban nhân dân huyện C;

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Minh Trung – Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thanh Dũng – Phó Chủ tịch; văn bản ủy quyền ngày 14/02/2022 (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C: Bà Kim Hồng Phụng – Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 80, Quốc lộ 80, khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Mai Thị T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số 385, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh C, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; cư trú: 350/33/30, đường Nguyễn Văn Lương, Phường 16, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh - Văn bản ủy quyền ngày 27/6/2013.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, người khởi kiện Lê Minh H trình bày:

Ngày 29/9/2009, UBND huyện C ban hành quyết định số 1859, 1870, 1869, 1868 thu hồi đất của bà Trần Kim Huê.

Ngày 23/3/2010, UBND huyện C ban hành quyết định số 299, 305, 306, 307 điều chỉnh quyết định số 1859, 1868, 1869, 1870, nội dung điều chỉnh là thay đổi tên hộ bà Trần Kim Huê thành hộ ông Lê Minh H. Đồng thời, điều chỉnh diện tích thu hồi đất như sau:

QUYẾT ĐỊNH TRƯỚC

+ Quyết định số 1859:

Diện tích thu hồi: 789,1m²

(thửa 59, TĐĐ số 49)

+ Quyết định số 1868

Diện tích thu hồi: 645,5m²

QUYẾT ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH

+ Quyết định số 307

Diện tích thu hồi: 457,6m²

(thửa 59, TĐĐ số 49)

+ Quyết định số 306

Diện tích thu hồi: 645,5m²

(thửa 169, TĐĐ số 49)

+ Quyết định số 1869

Diện tích thu hồi: 5.772,1m²

(thửa 97, TĐĐ số 49)

+ Quyết định 1870

Diện tích thu hồi: 2.177,1m²

(thửa 78, TĐĐ số 49)

Tổng diện tích thu hồi:
9.383,8m²

(thửa 169, TĐĐ số 49)

+ Quyết định số 305

Diện tích thu hồi: 5.772,1m²

(thửa 97, TĐĐ 49)

+ Quyết định số 229

Diện tích thu hồi: 895,8m²

(thửa 78, TĐĐ số 49)

Tổng diện tích thu hồi: 7.771m²
Mất đi diện tích: 1.612,8m²

Chênh lệch diện tích 1.612,8m² là không phù hợp. Do đó, ông H khiếu nại đến UBND huyện C.

Ngày 19/4/2010, Chủ tịch UBND huyện C ban hành quyết định số 447 với nội dung bác đơn khiếu nại của ông H về việc yêu cầu nâng giá bồi thường đất, cây trồng theo Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp.

Ngày 11/11/2010, UBND huyện C ban hành 02 quyết định số 2338 và 2341 điều chỉnh quyết định 306 và 305, với nội dung điều chỉnh như sau:

+ Quyết định 2338 điều chỉnh quyết định 306 với nội dung như sau: Tại thửa 169, TĐĐ 49, điều chỉnh diện tích thu hồi 645,5m² thành diện tích 2.130,9m².

+ Quyết định 2341 điều chỉnh quyết định 305 với nội dung như sau: Tại thửa 97, TĐĐ 49, điều chỉnh diện tích thu hồi là 5.772,1m² thành diện tích thu hồi là 5.977,1m².

Như vậy, tổng diện tích thu hồi là 9.461,4 m² (tăng lên 1.690,4m²) không nêu được mục đích sử dụng của diện tích đất nói trên.

Ngày 30/11/2010, Chủ tịch UBND huyện C ban hành quyết định số 2578 xác định diện tích thu hồi 9.461,3m² cụ thể như sau:

- Thửa số 169, diện tích thu hồi 2.131m², đất vườn.
 - Thửa số 78, diện tích thu hồi 895,8m², đất vườn.
 - Thửa số 97, diện tích thu hồi 5.976,9m², đất lúa (trong đó: 2.271,9m² đất lúa, 3.705m² đất vườn).
 - Thửa số 59, diện tích thu hồi 457,6m², đất lúa.
- (Tổng diện tích đất vườn: 3.026,3m², đất lúa: 6.434,5m²)

Đối với các thửa đất trên không phải đất của ông H, diện tích thu hồi 9.461,3m² nằm ở vị trí nào trong phần đất nông nghiệp của ông H đang canh tác.

Ngày 04/4/2011, UBND huyện C ban hành quyết định 193 và 194 “về việc bồi thường hỗ trợ, điều chỉnh bổ sung công trình cụm dân cư mở rộng xã A, huyện C cho ông Lê Minh H”.

Quyết định số 193 có nội dung bồi thường 1.690,4m² số tiền 96.043.600 đồng, chính sách hỗ trợ 19.208.720 đồng.

Quyết định số 195 bồi thường 3.705m² số tiền 66.693.600 đồng, chính sách hỗ trợ 13.338.720 đồng.

Tổng số tiền bồi thường: 195.284.640 đồng.

Đối với hai quyết định trên, không xác định thửa đất, tờ bản đồ, mục đích sử dụng đất, diện tích 1.690,4m² và 3.705m² (xác định là đất vườn theo quyết định số 2578) là điều chỉnh hay bổ sung.

Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2009. Đối với quyết định số 193 và 195 ngày 04/4/2011 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh, bổ sung cho ông Lê Minh H phải áp dụng Nghị định 69/2009 ngày 13/8/2009 của Chính phủ để bồi thường và hỗ trợ cho ông H.

Ngày 29/9/2011, Chủ tịch UBND Tỉnh ban hành quyết định số 304 với nội dung chuẩn y quyết định số 447 ngày 19/4/2010 của UBND huyện C.

Ngày 27/8/2012, UBND huyện C ban hành các quyết định 754, 755, 756, 757.

Quyết định 754 điều chỉnh Quyết định 1869 như sau:

- Cụm từ “bà Trần Kim Huê” thay bằng “ông Lê Minh H”
- Diện tích thu hồi 5.772,1m² thửa 97, TĐĐ 49 được điều chỉnh thành diện tích thu hồi là 5.977,1m² (bao gồm: 2.785,8m² đất trồng lúa, 3.191,3m² đất trồng cây lâu năm) thửa 97, TĐĐ 49 (thuộc một phần thửa 1377 và 1378, TĐĐ 02).
- Giữ nguyên các nội dung khác của quyết định 1869 ngày 29/9/2009 và hủy quyết định 305 ngày 23/3/2010, quyết định 2341 ngày 11/11/2010 của UBND huyện C.

Quyết định 755 điều chỉnh Quyết định 1870 như sau:

- Cụm từ “bà Trần Kim Huê” thay bằng “ông Lê Minh H”
- Diện tích thu hồi 2.177,1m² thửa 78, TĐĐ số 49 được điều chỉnh thành diện tích thu hồi là 895,8m² đất trồng lúa, thửa 78, TĐĐ 49 (thuộc một phần thửa 1377, TĐĐ 02).
- Giữ nguyên các nội dung khác của quyết định 1870 ngày 29/9/2009 và hủy quyết định 229 ngày 23/3/2010 của UBND huyện C.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Minh H thì thửa 1377, TĐĐ 02 là đất trồng cây lâu năm nhưng quyết định 755 lại là đất trồng lúa.

Quyết định 756 điều chỉnh Quyết định 1859 như sau:

- Cụm từ “bà Trần Kim Huê” thay bằng “ông Lê Minh H”
- Diện tích thu hồi 789,1m² thửa 59, TĐĐ 49 được điều chỉnh thành diện tích thu hồi là 457,6m² bao gồm đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, thửa 59, TĐĐ 49 (thuộc một phần thửa 1273, TĐĐ 02).
- Giữ nguyên các nội dung khác của quyết định 1859 ngày 29/9/2009 và hủy quyết định 307 ngày 23/3/2010 của UBND huyện C.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Minh H thì thửa 1273, TĐĐ 02 là đất trồng cây lâu năm nhưng quyết định 756 lại thêm đất ở nông thôn.

Quyết định 757 điều chỉnh Quyết định 1868 như sau:

- Cụm từ “bà Trần Kim Huê” thay bằng “ông Lê Minh H”
- Diện tích thu hồi 645,5m² thửa 169, TĐĐ 49 được điều chỉnh thành diện tích thu hồi là 2.130,9m², đất trồng cây lâu năm, thửa 169, TĐĐ 49 (thuộc một phần thửa 1377, TĐĐ 02).
- Giữ nguyên các nội dung khác của quyết định 1868 ngày 29/9/2009 và hủy quyết định 306 ngày 23/3/2010, quyết định 2388 ngày 11/11/2010 của UBND huyện C.

Ngoài ra, trường hợp của ông Lê Thanh Hiền với diện tích 868,8m² nhưng lại hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp 172.169.160 đồng nhưng khi thu hồi 9.461m² của ông Lê Minh H lại hỗ trợ 3.600.000 đồng là không phù hợp.

Từ những phân tích trên, ông Lê Minh H đề nghị Tòa án hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 1859, 1868, 1869, 1870 cùng ngày 29/9/2009; Quyết định số 299, 305, 306, 307 cùng ngày 23/3/2010; Quyết định số 2338, 2341 cùng ngày 11/11/2010; Quyết định số 754, 755, 756, 757 cùng ngày 27/8/2012; Quyết định số 193, 195 cùng ngày 04/4/2011 của UBND huyện C.

- Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/4/2010; Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 30/11/2010 của Chủ tịch UBND huyện C;

- Quyết định 304 ngày 29/9/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa ngày 16/02/2022, người khởi kiện yêu cầu khởi kiện bổ sung các Quyết định:

- Quyết định số 719/QĐ-UBND; Quyết định số 720/QĐ-UBND cùng ngày 17/8/2020 của UBND huyện C;

- Quyết định số 805/QĐ-UBND; Quyết định số 806/QĐ-UBND cùng ngày 31/8/2020 của UBND huyện C;

- Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND huyện C.

Yêu cầu hủy các quyết định nêu trên và yêu cầu bồi thường theo Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Tiền bồi thường cây trồng trên đất là:

a) Giá trị cây trồng là 153.864.000 đồng.

b) Bồi thường mất thu nhập 10 năm theo phương án của UBND huyện C tại Biên bản làm việc ngày 03/7/2017 của Tòa án tỉnh Đồng Tháp.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C trình bày:

Sau khi trao cho hộ bà Trần Kim Huê các quyết định thu hồi đất số 1859, 1868, 1869, 1870 cùng ngày 29/9/2009 của UBND huyện C, Phòng kinh tế và Hạ tầng Huyện phát hiện hộ bà Trần Kim Huê (mẹ ông H) không còn đứng tên trong hồ sơ địa chính mà do ông Lê Minh H đứng tên và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Phòng kinh tế và Hạ tầng Huyện yêu cầu Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh đo vẽ, kiểm tra lại.

Qua kết quả kiểm tra, nhận thấy các nội dung trong quyết định thu hồi đất đều đúng mà chỉ sai tên họ nên Phòng kinh tế và Hạ tầng Huyện lập lại hồ sơ trình UBND huyện điều chỉnh họ tên từ bà Trần Kim Huê thành ông Lê Minh H (tại các quyết định số 754, 755, 756, 757 cùng ngày 27/8/2012 của UBND huyện C) mà không phải ban hành quyết định mới.

UBND huyện ban hành các quyết định điều chỉnh là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 98 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003, quy định:

“Trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thủy lợi và đất đai, Ủy ban nhân dân huyện thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

...

3. Thực hiện giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất đối với cá nhân và hộ gia đình, giải quyết các tranh chấp đất đai, thanh tra đất đai theo quy định của pháp luật;”

Và tại khoản 2 Điều 44 Luật đất đai năm 2003, quy định:

“2. Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng được mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.”

Vì vậy, đề nghị Tòa án giữ nguyên các quyết định sau:

- Quyết định số 1859, 1868, 1869, 1870 cùng ngày 29/9/2009 của UBND huyện C;

- Quyết định số 299, 305, 306, 307 cùng ngày 23/3/2010 của UBND huyện C;

- Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/4/2010 của Chủ tịch UBND huyện C;
- Quyết định số 2338, 2341 cùng ngày 11/11/2010 của UBND huyện C;
- Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 30/11/2010 của Chủ tịch UBND huyện C;
- Quyết định số 193, 195 cùng ngày 04/4/2011 của UBND huyện C.
- Quyết định số 754, 755, 756, 757 cùng ngày 27/8/2012 của UBND huyện C.
- Quyết định số 719/QĐ-UBND; Quyết định số 720/QĐ-UBND cùng ngày 17/8/2020 của UBND huyện C;
- Quyết định số 805/QĐ-UBND; Quyết định số 806/QĐ-UBND cùng ngày 31/8/2020 của UBND huyện C;
- Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND huyện C.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp trình bày:

Thống nhất với phần trình bày của Chủ tịch UBND huyện C, đề nghị Tòa án giữ nguyên Quyết định số 304/QĐ-UBND-NĐ ngày 29/9/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 08/2022/HC-ST ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, điểm a, khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ Điều 39, Điều 42, Điều 44 Luật đất đai năm 2003; khoản 1, Điều 20, khoản 2 Điều 23, Điều 37, Điều 38, Điều 45 Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh H đối với yêu cầu hủy các quyết

định hành chính: Quyết định số 1859/QĐ-UBND, Quyết định số 1868/QĐ-UBND, Quyết định số 1869/QĐ-UBND, Quyết định số 1870/QĐ-UBND cùng ngày 29/9/2009; Quyết định số 299/QĐ-UBND, Quyết định số 305/QĐ-UBND, Quyết định số 306/QĐ-UBND, Quyết định số 307/QĐ-UBND cùng ngày 23/3/2010; Quyết định số 2338/QĐ-UBND, Quyết định số 2341/QĐ-UBND cùng ngày 11/11/2010; Quyết định số 754/QĐ-UBND, Quyết định số 755/QĐ-UBND, Quyết định số 756/QĐ-UBND, Quyết định số 757/QĐ-UBND cùng ngày 27/8/2012; Quyết định số 193/QĐ-UBND, Quyết định số 195/QĐ-UBND cùng ngày 04/4/2011 của UBND huyện C; Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/4/2010; Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 30/11/2010 của Chủ tịch UBND huyện C; Quyết định số 304/QĐ-UBND-NĐ ngày 29/9/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp; Quyết định số 719/QĐ-UBND; Quyết định số 720/QĐ-UBND cùng ngày 17/8/2020 của UBND huyện C; Quyết định số 805/QĐ-UBND; Quyết định số 806/QĐ-UBND cùng ngày 31/8/2020 của UBND huyện C; Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND huyện C.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/7/2022 ông Lê Minh H kháng cáo yêu cầu áp dụng Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 19/4/2014 của Chính phủ và Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Tháp về quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (thực hiện 5 năm từ 2020 – 2024), đề tính giá đất bồi thường cho ông H và yêu cầu bồi thường cây trồng trên đất, công di chuyển 2 ngôi mộ, bồi thường mất thu nhập, hỗ trợ 5 nhân khẩu theo quy định của nhà nước. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo, sửa án sơ thẩm theo hướng hủy các quyết định hành chính trên.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H trình bày: Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi của ông H diện tích đất 9.461,3m² nhưng chỉ bồi thường 7.770,8m² là còn thiếu; loại đất thu hồi của ông H là đất vườn nhưng bồi thường giá thấp, không phù hợp. Do đó yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C bồi thường cây trồng trên đất, công di chuyển 2 ngôi mộ, bồi thường mất thu nhập, hỗ trợ 5 nhân khẩu theo quy định của nhà nước.

Người bảo vệ quyền lợi cho UBND và Chủ tịch UBND huyện C trình bày: Đối với diện tích đất ông H khiếu nại, UBND huyện C đã kiểm tra, đo đạc thực tế và bồi thường đủ cho ông H 9.461,3m² theo Quyết định số 859 ngày 16/9/2020. Việc thu hồi đất của ông H thực hiện khi Nghị định 69/2009/NĐ-CP chưa có hiệu lực, ông H đã yêu cầu áp dụng Nghị định 69/2009/NĐ-CP để bồi thường, hỗ trợ và UBND huyện C đã thực hiện theo yêu cầu của ông H, giải quyết xong việc bồi thường đất, cây trồng trên đất, hỗ trợ đầy đủ đúng quy định của Nghị định 69/2009/NĐ-CP. Do ông H không chịu nhận tiền bồi thường nên không nắm rõ các khoản bồi thường, hỗ trợ; đề nghị bác đơn kháng cáo của ông H.

Người bảo vệ quyền lợi cho Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp trình bày: Dự án này thực hiện từ năm 2009, đã giải quyết việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Nghị định 69/2009/NĐ-CP; các hộ bị thu hồi đất đã được bồi thường đều thống nhất, không khiếu nại. Trường hợp của ông H đã áp dụng Nghị định

69/2009/NĐ-CP xem xét giải quyết đúng, đầy đủ các quyền lợi cho ông H; ông H yêu cầu áp dụng Nghị định 47/2014/NĐ-CP để bồi thường, hỗ trợ là không có cơ sở nên đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về tố tụng, những người tiến hành tố tụng, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung kháng cáo của ông H, UBND huyện C đã thu hồi đất của ông H từ năm 2009, sau đó ban hành các quyết định điều chỉnh về tên người sử dụng đất, diện tích đất thu hồi vào năm 2010 là phù hợp; UBND huyện C đã áp dụng Nghị định 69/2009/NĐ-CP để giải quyết việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất là đúng pháp luật; các hộ bị thu hồi đã giải quyết xong theo Nghị định 69/2009/NĐ-CP và không có khiếu nại. Ông H cho rằng chưa bồi thường, hỗ trợ đầy đủ và yêu cầu áp dụng Nghị định 47/2014/NĐ-CP để bồi thường, hỗ trợ là chưa có cơ sở; đề nghị bác kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đơn kháng cáo của ông Lê Minh H nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính nên hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Để thực hiện dự án công trình cụm dân cư An Hiệp mở rộng của huyện C, tỉnh Đồng Tháp, nhằm mục đích xây dựng phát triển đô thị tại địa phương; ngày 29/9/2009 UBND huyện C, tỉnh Đồng Tháp đã ban hành Quyết định số 1859/2009/QĐ-UBND, Quyết định số 1868/2009/QĐ-UBND, Quyết định số 1869/2009/QĐ-UBND, Quyết định số 1870/2009/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà Trần Kim Huê. Sau khi phát hiện đất đứng tên hộ ông H, ngày 23/3/2010 UBND huyện C, tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 229/2010/QĐ-UBND, Quyết định số 305/2010/QĐ-UBND, Quyết định số 306/2010/QĐ-UBND, Quyết định số 307/2010/QĐ-UBND có điều chỉnh tên bà Huê thành tên hộ ông H. Do đó, có căn cứ thể hiện đất của hộ ông H được thu hồi từ năm 2010.

[2]. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông H xác định Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 30/11/2010 của Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Đồng Tháp về việc giải quyết khiếu nại đã thu hồi của ông H 9.461,3m² đất tại các thửa 59, 78, 97 và 169; trong đó đất trồng lúa 2.271,9m² và đất vườn 7.189,4m² là phù hợp.

[3]. Do đất của hộ ông H được thu hồi từ năm 2010 nên UBND huyện C, tỉnh Đồng Tháp áp dụng Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ để giải quyết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông H là đúng.

[4]. Ông H kháng cáo cho rằng Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 và Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 17/8/2020, Quyết định số 805/QĐ-UBND ngày 31/8/2020, Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 và Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND huyện C, tỉnh Đồng

Tháp được ban hành vào năm 2020 nên phải áp dụng Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 19/4/2014 của Chính phủ và Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Tháp về quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (thực hiện 5 năm từ 2020 – 2024), để hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc “*Hỗ trợ bằng tiền không quá 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương*” là không phù hợp; vì các quyết định hành chính trên chỉ là quyết định điều chỉnh, bổ sung các quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ từ năm 2010 của UBND huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Về thời điểm thu hồi đất của hộ ông H là không thay đổi nên yêu cầu kháng cáo của ông H là không có căn cứ.

[5]. Hộ của ông H bị thu hồi 9.461,3m² đất tại các thửa 59, 78, 97 và 169; trong đó đất trồng lúa 2.271,9m² và đất vườn 7.189,4m². Tại Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND huyện C, tỉnh Đồng Tháp về bồi thường, hỗ trợ (điều chỉnh bổ sung) công trình cụm dân cư An Hiệp mở rộng của huyện C đã điều chỉnh bồi thường đất vườn, đất lúa, hỗ trợ về đất và đời sống của hộ ông H với số tiền 1.881.324.720 đồng. Do đó, ông H kháng cáo cho rằng bồi thường chưa đủ diện tích bị thu hồi, chưa bồi thường cây trồng trên đất, công di chuyển 2 ngôi mộ, bồi thường mất thu nhập, hỗ trợ 5 nhân khẩu, là chưa phù hợp.

[6]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; không chấp nhận lời trình bày của người đại diện của ông Lê Minh H. Do đó, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Minh H; giữ y bản án hành chính sơ thẩm. Ông Lê Minh H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Minh H; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 08/2022/HC-ST ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp như sau:

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính 2015; Căn cứ Điều 39, Điều 42, Điều 44 Luật đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 20, khoản 2 Điều 23, Điều 37, Điều 38, Điều 45 Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998; Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu

hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh H đối với yêu cầu hủy các quyết định hành chính: Quyết định số 1859/QĐ-UBND, Quyết định số 1868/QĐ-UBND, Quyết định số 1869/QĐ-UBND, Quyết định số 1870/QĐ-UBND cùng ngày 29/9/2009; Quyết định số 299/QĐ-UBND, Quyết định số 305/QĐ-UBND, Quyết định số 306/QĐ-UBND, Quyết định số 307/QĐ-UBND cùng ngày 23/3/2010; Quyết định số 2338/QĐ-UBND, Quyết định số 2341/QĐ-UBND cùng ngày 11/11/2010; Quyết định số 754/QĐ-UBND, Quyết định số 755/QĐ-UBND, Quyết định số 756/QĐ-UBND, Quyết định số 757/QĐ-UBND cùng ngày 27/8/2012; Quyết định số 193/QĐ-UBND, Quyết định số 195/QĐ-UBND cùng ngày 04/4/2011 của UBND huyện C; Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/4/2010; Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 30/11/2010 của Chủ tịch UBND huyện C; Quyết định số 304/QĐ-UBND-NĐ ngày 29/9/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp; Quyết định số 719/QĐ-UBND; Quyết định số 720/QĐ-UBND cùng ngày 17/8/2020 của UBND huyện C; Quyết định số 805/QĐ-UBND; Quyết định số 806/QĐ-UBND cùng ngày 31/8/2020 của UBND huyện C; Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND huyện C.

- Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Lê Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm nhưng được khấu trừ 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 028791 ngày 28/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, ông Lê Minh H phải nộp tiếp 100.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lê Minh H phải chịu 300.000 đồng; khấu trừ 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004699 ngày 18/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu VP(6), HS(1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý

